

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Lê Thế Kỳ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2023/TLST – DS ngày 04 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2023/QĐ-DS ngày 31-8-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1981. Là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV chi nhánh huyện T, địa chỉ: Thôn B, xã Đ So, huyện T, tỉnh Đắc Nông (Văn bản ủy quyền ngày 13-02-2023)

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện R, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắc Nông (vợ ông B).

(Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông B và ông H có mối quan hệ quen biết.

Ngày 06-7-2022, ông H có vay của ông B số tiền 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Thời hạn trả là ngày 06-8-2022. Ông H đã nhận đủ số tiền vay.

Chữ viết trong giấy viết tay tiêu đề “giấy mượn tiền” đề ngày 06-7-2022 là do ông B viết, người cho mượn ký tên là ông B, người mượn ký tên là ông H. Khi viết giấy, ký tên, khi ông H nhận tiền, các bên đều hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc.

Đến hạn trả nợ ngày 06-8-2022, dù ông B yêu cầu nhiều lần nhưng ông H vẫn không trả nợ cho anh B như đã hẹn.

Ông B biết ông H hiện đang độc thân chưa có gia đình, số tiền vay ông H sử dụng vào việc gì thì ông B không rõ.

Việc vay và số tiền vay chỉ là thỏa thuận riêng giữa ông B và ông H. Không liên quan đến ai, không ai chứng kiến. Vợ ông B là bà P, không chứng kiến không liên quan, tiền cho vay là tài sản riêng của ông B. Đề nghị không đưa người nào vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Để đảm bảo quyền và lợi ích bị xâm phạm, ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông H phải trả cho ông B số tiền nợ gốc là 570.000.000đ và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn từ ngày 07-8-2022 đến khi kết thúc vụ án. Cụ thể:

Lãi suất trong hạn là 01 tháng từ ngày 06-7-2022 đến ngày 06-8-2022 với mức 1,5%/tháng = $570.000.000đ \times 01 \text{ tháng} \times 1,5\% = 8.550.000đ$.

Lãi suất quá hạn là 06 tháng từ ngày 07-8-2022 đến ngày khởi kiện 13-02-2023 với mức 2,25%/tháng = $570.000.000đ \times 06 \text{ tháng} \times 2,25\% = 76.950.000đ$.

Quá trình giải quyết, về lãi suất nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn cùng một mức là 1,5%/tháng. Cụ thể:

Lãi suất trong hạn: 01 tháng kể từ ngày 06-7-2022 đến ngày 06-8-2022 với mức thỏa thuận trong giấy vay là 1,5%/01 tháng, là: $570.000.000đ \times 1,5\% \times 01 \text{ tháng} = 8.550.000đ$

Và

Lãi suất quá hạn là 1,5%/01 tháng kể từ ngày 07-8-2022 tạm tính đến ngày 04-8-2023 là 102.600.000đ.

Ngày 22-9-2023, nguyên đơn có văn bản với nội dung:

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất quá hạn với mức 2,25%/tháng.

Hiện nay, chỉ yêu cầu ông H phải trả cho ông B số tiền nợ gốc 570.000.000đ và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn với mức là 1,5%/tháng. Cụ thể:

Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính từ ngày 06-7-2022 đến ngày 25-9-2023 là 14 tháng 15 ngày: $570.000.000đ \times 1,5\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 123.975.000đ$.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính từ ngày 06-7-2022 đến ngày 25-9-2023 là: $570.000.000đ + 123.975.000đ = 693.975.000đ$ (sáu trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông H trình bày:

Quá trình giải quyết ông Hoan thừa nhận: Ông H và ông B có mối quan hệ quen biết.

Ông H thừa nhận ngày 06-7-2022, ông H có vay của ông B số tiền 570.000.000đ để làm ăn. Lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Thời hạn trả là ngày 06-8-2022. Chữ viết trong giấy viết tay tiêu đề “giấy mượn tiền” đề ngày 06-7-2022 là của ông B, người cho mượn ký tên là ông B, người mượn ký tên là ông H. Người viết giấy là ông B khi ký, nhận tiền ông H hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc. Ông đã nhận đủ số tiền 570.000.000đ. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, do khó khăn kinh tế, nên chưa trả được cho ông B. Ông H hiện đang độc thân chưa có gia đình, số tiền vay ông H chỉ sử dụng vào việc làm ăn, không liên quan đến ai. Số tiền vay cũng chỉ diễn ra giữa ông H và ông B, không ai chứng kiến. Ông H được biết ông B có vợ, nhưng vợ ông B không liên quan không chứng kiến. Đề nghị Tòa án không đưa người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Ông đồng ý trả nợ gốc là 570.000.000đ. Ông H đồng ý mức lãi suất 1,5%/01 tháng được thỏa thuận viết trong giấy viết tay đề ngày 06-7-2022, là bao gồm: Cả lãi suất trong thời gian vay tiền 01 tháng từ ngày 06-7-2022 đến 06-8-2022 và lãi suất quá hạn. Ông H có nghĩa vụ trả nợ gốc là 570.000.000 000đ và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn với mức 1,5%/01 tháng, theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tuy nhiên, do điều kiện đang khó khăn, đề nghị nguyên đơn cho ông gia hạn thời hạn trả nợ và lãi suất là 06 tháng sau. Trường hợp không thương lượng được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

(Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ông Hoan vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P (vợ ông B) trình bày

Bà P có văn bản trình bày ý kiến: Bà P không liên quan đến số tiền vay giữa ông B và ông H. Đề nghị Tòa án không đưa bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà Phụng. Đề nghị giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B. Buộc ông B phải trả cho ông B tổng số tiền 693.975.000đ (sáu trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là 123.975.000đ (một trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đối với yêu cầu trả lãi suất quá hạn mức

2,25%/tháng với số tiền 76.950.000đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn ông H trả số tiền đã vay là tiền 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy viết tay tiêu đề “giấy mượn tiền” đề ngày 06-7-2022 và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Bị đơn ông H có địa chỉ tại . Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện R, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B:

[2.1] Ngày 06-7-2022 ông B cho ông H vay số tiền 570.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 06-8-2022. Ông H đã nhận đủ số tiền vay. Đến hạn, ông H chưa trả cho ông B số tiền gốc và lãi suất như thỏa thuận.

Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi suất là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 06-8-2022, được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B nên ông B khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 570.000.000đ và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là có căn cứ.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận ngày 06-7-2022 ông B cho ông H vay số tiền 570.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 06-8-2022. Hai bên có viết giấy tay, thừa nhận chữ ký của mình trong giấy vay. Khi viết

giấy, ký tên, khi ông Hoan nhận tiền, các bên đều hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị ai ép buộc. Ông H đã nhận đủ số tiền vay. Đến hạn, ông H chưa trả cho ông B số tiền gốc và lãi suất như thỏa thuận. Việc vay tiền là thỏa thuận riêng giữa ông B và ông H, không liên quan đến ai. Không liên quan đến vợ ông B, ông H hiện đang độc thân chưa có gia đình. Đề nghị không đưa người nào vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bà P là vợ của ông B thừa nhận không liên quan đến số tiền vay giữa ông B và ông H. Đề nghị Tòa án không đưa bà P vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều được biết và được Tòa án thừa nhận”*.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất: Quá trình giải quyết, nguyên đơn rút một phần yêu cầu lãi suất quá hạn mức 2,25%/tháng với số tiền 76.950.000đ như trong đơn khởi kiện, xét thấy là tự nguyện, phù hợp cần chấp nhận.

Các bên đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 06-7-2022 đến ngày 06-8-2022. Đến hạn, ông H chưa trả nợ, như vậy ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07-8-2022. Quá trình giải quyết, các bên cũng thống nhất mức lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất trong hạn từ ngày 06-7-2022 đến ngày 06-8-2022 và yêu cầu trả lãi suất quá hạn từ ngày 07-8-2022 đến ngày xét xử ngày 25-9-2023, được tính tròn là 14 tháng 15 ngày, đều với mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự:

“.....5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Lãi suất trong hạn và quá hạn phải trả là: $570.000.000 \times 14 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 693.975.000\text{đ}$.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông H phải trả cho nguyên đơn ông B tổng số tiền 693.975.000đ (sáu trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 570.000.000đ và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính từ ngày 06-7-2022 đến ngày 25-9-2023 là 123.975.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đối với yêu cầu trả lãi suất quá hạn mức 2,25%/tháng với số tiền 76.950.000đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đối với ông H.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đối với ông H.

Buộc ông H phải trả cho ông B tổng số tiền 693.975.000đ (sáu trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất (trong hạn và quá hạn) là 123.975.000đ (một trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông H còn phải trả cho ông B tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đối với yêu cầu trả lãi suất quá hạn mức 2,25%/tháng với số tiền 76.950.000đ (bảy mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

3. **Về án phí:** Ông H phải nộp 31.759.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền 15.110.000đ (mười lăm triệu một trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005275 ngày 31-3-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện R, tỉnh Đắk Nông.

4. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đoàn Minh Hương

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương